

14. Những quân nhân có đủ 3 năm tròn hoạt động ở Lào và Căm-pu-chia, sau khi hoàn thành nhiệm vụ trở về được thực hiện chính sách phục viên, chuyển ngành như những quân nhân có đủ 5 năm làm nhiệm vụ ở trong nước.

Điều 2. — Quyết định này thi hành từ ngày 1 tháng 10 năm 1986. Tất cả các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Bộ Lao động, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Thương binh và xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm trao đổi cùng các Bộ, ngành liên quan quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 4. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

Y TẾ — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên Bộ Y tế — Tài chính số 17-TT/LB ngày 5-9-1986 sửa đổi định mức chi bình quân giường bệnh/năm áp dụng cho các bệnh viện Trung ương.

Đề phù hợp với hệ thống giá và lương mới, liên Bộ Y tế — Tài chính quy định lại mức chi bình quân giường bệnh/năm

áp dụng đối với các loại bệnh viện Trung ương (trước đây quy định tại Thông tư số 22-TT/LB ngày 22-7-1985 của liên Bộ) như sau:

I. Định mức chi về giường bệnh cho từng loại bệnh viện:

1. Định mức chi bình quân giường bệnh/năm bao gồm 3 nhóm: nhóm I chi về lương, phụ cấp lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương khác; nhóm II chi về hành chính quản lý và nhóm III chi về nghiệp vụ khám, chữa bệnh áp dụng cho từng loại bệnh viện, nhà điều dưỡng quy định trong bản định mức đính kèm Thông tư này.

Tỷ lệ chi về nghiệp vụ khám chữa bệnh dành để phục vụ trực tiếp cho người bệnh (nhóm III) chiếm từ 40 đến 45% định mức chi giường bệnh/năm, trong đó thuốc và hóa chất chiếm tỷ lệ từ 18 đến 22% đối với các bệnh viện và 10% đối với các nhà điều dưỡng.

2. Định mức chi bình quân giường bệnh/năm được cấp phát theo giường bệnh thực sự sử dụng (tổng số ngày điều trị/340 ngày/năm). Nếu bệnh viện thực hiện vượt mức chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh/năm được giao thì được cấp bổ sung từ 50 đến 60% định mức chi của nhóm II và III theo tỷ lệ tăng lên tương ứng, nhưng không vượt quá 10% số giường bệnh kế hoạch của bệnh viện.

3. Định mức chi bình quân giường bệnh/năm được áp dụng cho từng loại bệnh viện và từng thời kỳ sẽ được xem xét bổ sung nếu có sự thay đổi lớn về chính sách, chế độ, giá cả.

II. Về các khoản chi khác ngoài định mức chi giường bệnh:

1. Tiền thuốc cấp tại phòng khám bệnh cho các đối tượng chính sách được chi theo quy định tại các điểm b, d, e, h mục 1,

phần I Thông tư số 13-TT/LB ngày 15-7-1986 của liên Bộ Y tế — Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 72-CT ngày 25-3-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Các bệnh viện, kể cả các bệnh viện có tổ chức phòng khám phục vụ công nhân viên chức Nhà nước đăng ký khám chữa bệnh phải thực hiện việc thu tiền thuốc thông thường của cơ quan, xí nghiệp nơi cán bộ, công nhân viên hưởng lương hoặc trợ cấp hưu trí, mất sức có đăng ký khám, chữa bệnh để chi theo đúng những quy định tại Thông tư số 13-TT/LB ngày 15-7-1986 của liên Bộ Y tế — Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 72-CT ngày 25-3-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Riêng đối với bệnh viện Việt—Xô, Thống Nhất, C Đà Nẵng trong trường hợp đặc biệt cần thiết, ngân sách Nhà nước có thể xem xét cấp bù thêm nếu số tiền thuốc tự thu được không đủ đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh.

2. Chi về mua sắm trang thiết bị, dụng cụ đồ đạc có giá trị lớn, chi về sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ phải thực hiện theo đúng tinh thần tiết kiệm chi và phải theo dự toán được duyệt.

Các khoản viện trợ về thuốc men, trang thiết bị và vật tư thông dụng khác của các nước và các tổ chức quốc tế viện trợ cho các bệnh viện, nhà điều dưỡng phải được phản ánh trong dự toán thu, chi và phải tính toán huy động sử dụng hàng năm để giảm cấp phát của Ngân sách Nhà nước.

III. Điều khoản thi hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-8-1986 và thay thế Thông tư số 22-TT/LB ngày 22-7-1985 của liên Bộ Y tế — Tài chính.

K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính
Thư trưởng
LÝ TÀI LUẬN

K.T. Bộ trưởng
Bộ Y tế
Thư trưởng
Gs. PHẠM SONG

ĐỊNH MỨC CHI giường bệnh trung ương*

(kèm theo Thông tư số 17-TT/LB ngày 5-9-1986 của liên Bộ Y tế — Tài chính).

Các loại bệnh viện	Định mức chi giường bệnh/năm (đồng)	Trong đó	
		Nhóm I (đồng)	Nhóm II+ III (đồng)
A. BỆNH VIỆN ĐA KHOA			
1. Bệnh viện Việt Xô, Thống Nhất, C Đà Nẵng	34000—40000	6000—8000	28.000—32.000
2. Bệnh viện E, G1	25000—31000	6000—7500	19.000—23.500
3. Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển — Uông Bí, Việt Nam—Cu Ba, Đồng Hới, Bạch Mai, Chợ Rẫy	32000—38000	6000—7500	26.000—30.500
4. Bệnh viện Huế, Thái Nguyên	23000—28000	6000—7000	17.000—21.000
B. BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA			
1. Bệnh viện Việt-Đức, viện Nhi	32000—38000	6000—7500	26.000—30.500
2. Viện y học dân tộc	23000—26000	6000—7000	17.000—19.000
3. Bệnh viện tâm thần	15000—18000	5000—6000	10.000—12.000
4. Bệnh viện lao (71, 74)	11000—14000	6000—7000	5.000—7.000
5. Bệnh viện chuyên khoa khác	24000—28000	6000—7000	18.000—21.000
6. Nhà điều dưỡng	15000—18000	3000—4000	12.000—14.000
7. Khu điều trị phong (Một trại viên)	4000—5000	2000—	2.000—3.000